

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ

Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, ngành Giáo dục đặc biệt và các ngành Giáo dục nghề nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số **198/QĐ-CĐSPTW** ngày **25** tháng **02** năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, ngành Giáo dục đặc biệt và các ngành Giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Quy định chung; điều kiện dự tuyển; chính sách ưu tiên trong tuyển sinh; tổ chức thi năng khiếu; xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển; khen thưởng và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo; chế độ báo cáo, lưu trữ (sau đây gọi là Quy chế tuyển sinh).

2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện thi tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, ngành Giáo dục đặc biệt và các ngành Giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phạm vi tuyển sinh là chương trình đào tạo cao đẳng, ngành Giáo dục mầm non, ngành Giáo dục đặc biệt và các ngành Giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc nhiều đợt và theo một phương thức tuyển sinh nhất định.

2. Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, ngành Giáo dục đặc biệt và các ngành Giáo dục nghề nghiệp của Trường, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đăng ký dự thi năng khiếu, đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

3. Xét tuyển là quy trình xử lý riêng tại Trường để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển trên căn cứ các tiêu chí xét tuyển do Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương xác định.

4. Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

5. Phương thức tuyển sinh là việc sử dụng độc lập hoặc kết hợp của các kết quả sau đây: kết quả học tập cấp THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT hoặc kết hợp điểm học tập hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét

tuyển thí sinh vào một chương trình đào tạo.

6. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào (gọi tắt là ngưỡng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo. Căn cứ hướng dẫn hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường sẽ xây dựng quy tắc quy đổi tương đương là việc quy đổi ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của ngành đào tạo.

7. Xét tuyển thẳng là việc thực hiện quy trình xét tuyển hồ sơ thí sinh và công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế này.

8. Điểm trúng tuyển của một chương trình đào tạo là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào chương trình đào tạo đó) có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm. Việc làm tròn điểm được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn toán học đến hàng phần trăm, sau khi cộng đầy đủ điểm ưu tiên và điểm cộng (nếu có).

9. Điểm ưu tiên là mức điểm thí sinh được hưởng theo khu vực, đối tượng ưu tiên được quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Hình thức thi năng khiếu trực tiếp là việc thí sinh đến dự thi tại Trường theo thời gian ghi trên thông báo dự thi. Dưới sự hướng dẫn của ban thư ký: thí sinh rút thăm đề thi, vào phòng thi, thực hiện nội dung thi theo yêu cầu của đề thi và được cán bộ chấm thi đánh giá và chấm điểm trực tiếp.

11. Hình thức thi năng khiếu trực tuyến là việc thí sinh dự thi được ban thư ký hướng dẫn kết nối trên máy tính hoặc thiết bị nối mạng tới phòng đón tiếp ảo, được phổ biến quy chế thi, hướng dẫn thi, thông báo thời gian rút thăm đề thi, thời gian dự thi. Theo thời gian đã được ban thư ký thông báo, thí sinh đăng nhập vào phòng thi ảo, thực hiện nội dung thi dưới sự hướng dẫn của Cán bộ coi thi và được giám sát bằng công nghệ.

12. Quy đổi tương đương là việc quy đổi ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do cơ sở đào tạo quy định, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo tương ứng (sau đây gọi là độ lệch điểm).

Điều 3. Thông tin tuyển sinh

Nhà trường xây dựng, công bố và thực hiện thông tin tuyển sinh để thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo và xã hội.

1. Thông tin tuyển sinh cung cấp đầy đủ các thông tin chi tiết về tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, ngành Giáo dục đặc biệt và các ngành Giáo dục nghề nghiệp; các điều kiện đảm bảo chất lượng như: đội ngũ giảng viên, kết quả kiểm định chất lượng, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm.

2. Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học;

chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học; kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm. Quy định về đối tượng, điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và số lượng tuyển sinh (dự kiến) đối với các chương trình đào tạo; quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh.

3. Nhà trường đăng thông báo tuyển sinh kèm theo công bố thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày. Riêng đối với quy tắc quy đổi tương đương, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

Điều 4. Chỉ đạo công tác tuyển sinh

1. Hiệu trưởng thành lập HĐTS đối với ngành Giáo dục mầm non và HĐTS với ngành Giáo dục đặc biệt và các ngành Giáo dục nghề nghiệp để giúp Hiệu trưởng chỉ đạo, điều hành toàn bộ công việc liên quan đến công tác tuyển sinh của Trường.

2. Hiệu trưởng ban hành Đề án thi tuyển sinh đối với ngành Giáo dục mầm non và Giáo dục đặc biệt để thực hiện công tác tuyển sinh.

3. Hiệu trưởng thành lập Ban thanh tra để giúp Hiệu trưởng giám sát công tác tuyển sinh đúng quy chế.

Điều 5. Tổ hợp môn, phương thức, hình thức thi năng khiếu đối với tuyển sinh ngành Giáo dục mầm non và ngành Giáo dục đặc biệt

1. Tổ hợp môn tuyển sinh

- a) Môn văn hóa: Ngữ văn hoặc Toán
- b) Môn năng khiếu 1: Đọc, kể chuyện diễn cảm
- c) Môn năng khiếu 2: Hát

2. Phương thức, mã tổ hợp môn và chỉ tiêu tuyển sinh

Nhà trường sử dụng các phương thức tuyển sinh như sau:

a) Mã phương thức 405: Xét tuyển văn hóa sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn hoặc môn Toán và thi tuyển năng khiếu.

- Mã tổ hợp M01: Ngữ Văn, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2
- Mã tổ hợp M09: Toán, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2

b) Mã phương thức 406: Xét tuyển văn hóa sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 ở THPT với môn Ngữ văn hoặc Toán và điểm thi 2 môn năng khiếu.

- Mã tổ hợp M01: Ngữ Văn, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2
- Mã tổ hợp M09: Toán, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2

c) Xét tuyển thẳng: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không giới hạn chỉ tiêu.

3. Hình thức thi năng khiếu

Tùy theo tình hình thực tiễn, HĐTS Trường quyết định áp dụng hình thức thi năng khiếu trực tiếp hay trực tuyến. Hình thức thi năng khiếu được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

a) Đối với môn văn hóa

- Trường hợp sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT: Nhà trường sử dụng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cho năm tuyển sinh.

- Trường hợp sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 ở THPT với môn Ngữ văn hoặc Toán. Thí sinh phải đảm bảo kết quả học tập cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề) được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) trở lên.

b) Đối với môn năng khiếu

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với mỗi môn năng khiếu từ 5.0 điểm trở lên.

Điều 6. Tổ hợp môn, phương thức xét tuyển với các ngành Giáo dục nghề nghiệp

1. Căn cứ tình hình thực tiễn hàng năm, Nhà trường sẽ quyết định tổ hợp môn xét tuyển với từng ngành đào tạo và thể hiện cụ thể trên thông báo tuyển sinh và thông tin tuyển sinh.

2. Thực hiện xét tuyển dựa trên kết quả học tập ở bậc THPT hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT.

Chương II

ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN, CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH

Điều 7. Điều kiện dự tuyển

1. Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông.
2. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
3. Có đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định.

Điều 8. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực (Theo phụ lục 1)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng.

c) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách quy định tại Phụ lục II của Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại điểm a và điểm b khoản này chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này}$

5. Đối tượng xét tuyển thẳng đối với ngành Giáo dục mầm non

Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành Giáo dục mầm non.

Chương III **XÉT TUYỂN VÀ TRIỆU TẬP THÍ SINH TRÚNG TUYỂN**

Điều 9. Điều kiện xét tuyển và điểm xét tuyển

1. Điều kiện xét tuyển

- a) Thí sinh tốt nghiệp THPT, nộp đủ hồ sơ theo quy định.
- b) Có đủ sức khỏe để tham gia học tập.
- c) Điểm văn hóa và điểm năng khiếu đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường quy định.
- d) Thí sinh xét tuyển thẳng phù hợp các đối tượng quy định tại điều 8 trong Quy chế tuyển sinh này.
- e) Đăng ký nguyện vọng xét tuyển đúng thời gian quy định.

2. Điểm xét tuyển

a) Đối với ngành Giáo dục mầm non và Giáo dục đặc biệt

Điểm xét tuyển = Điểm văn hóa + Điểm NK1 + Điểm NK2 + 1/3 (Điểm ưu tiên khu vực (nếu có) + Điểm ưu tiên đối tượng (nếu có)).

b) Đối với các ngành giáo dục nghề nghiệp

Điểm xét tuyển = Tổng điểm các môn theo tổ hợp xét tuyển + Điểm ưu tiên khu vực (nếu có) + Điểm ưu tiên đối tượng (nếu có)

Điều 10. Quy định về việc xây dựng điểm trúng tuyển

1. Đối với ngành Giáo dục mầm non và Giáo dục đặc biệt

a) Sau khi trừ số thí sinh trúng tuyển theo phương thức trúng tuyển thẳng, HĐTS xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho phương thức 405 và 406.

b) Trên cơ sở thống kê điểm do máy tính cung cấp đối với các đối tượng và khu vực dự thi, căn cứ vào quy định về khung điểm ưu tiên; căn cứ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường quy định, Ban thư ký trình HĐTS phương án điểm trúng tuyển đối với từng phương thức.

c) HĐTS xem xét quyết định điểm trúng tuyển đối với từng phương thức 405 và 406. Điểm trúng tuyển của phương thức 406 là điểm sau quy đổi tương đương giữa phương thức 405 và 406 theo công thức đã được Nhà trường công bố.

2. Đối với các ngành giáo dục nghề nghiệp

Trên cơ sở thống kê điểm do máy tính cung cấp đối với các đối tượng và khu vực dự thi, điểm ưu tiên, Ban thư ký trình HĐTS phương án điểm trúng tuyển đối với từng ngành căn cứ vào chỉ tiêu để xác định điểm trúng tuyển là điểm của thí sinh cuối cùng theo danh sách từ trên xuống dưới cho đến khi hết chỉ tiêu tuyển sinh.

Điều 11. Công bố điểm trúng tuyển, xử lý trường hợp thất lạc kết quả

1. Căn cứ biên bản họp xét điểm trúng tuyển của HĐTS, Chủ tịch HĐTS ký quyết định công nhận điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển, thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Thời gian công bố điểm chuẩn và danh sách thí sinh trúng tuyển theo lịch tuyển sinh từng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trường hợp thí sinh bị thiếu điểm thi do lỗi của Ban thư ký làm thất lạc, Ban thư ký thông báo cho thí sinh bổ sung (trường hợp thất lạc điểm văn hóa), hoặc đề xuất HĐTS tổ chức thời gian thi bổ sung (trường hợp thất lạc kết quả thi năng khiếu). Thí sinh không nộp điểm văn hóa hoặc không dự thi bổ sung năng khiếu thì không được xét tuyển.

Điều 12. Thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học

1. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Nhà trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển vào các chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân (điểm của thí sinh và tên phương thức trúng tuyển);

2. Ban thư ký trình Hiệu trưởng ký giấy báo trúng tuyển và triệu tập nhập học khi thí sinh đã đáp ứng đủ các điều kiện trúng tuyển; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

2. Thí sinh trúng tuyển vào Trường cần nộp bản sao hợp lệ những giấy tờ sau đây:

a) Học bạ.

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với những thí sinh trúng tuyển trong năm tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp THPT đối với những thí sinh tốt nghiệp các năm trước. Những thí sinh nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, phải nộp bổ sung bằng tốt nghiệp THPT vào đầu học kỳ 2 năm thứ nhất.

c) Giấy khai sinh.

d) Các minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên quy định trong văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

e) Các yêu cầu khác theo quy định của Nhà trường.

3. Xác nhận nhập học:

a) Thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống trước khi nhập học tại Trường theo thông báo.

b) Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

- Trường hợp không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh đã từ chối nhập học và Nhà trường có quyền không tiếp nhận;

- Trường hợp do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã, Hiệu trưởng xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh;

- Trường hợp do sai sót, nhầm lẫn được xác định thuộc lỗi kỹ thuật khách quan trong công tác tuyển sinh, Hiệu trưởng chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học; lập hồ sơ lưu trữ và báo cáo danh sách riêng thí sinh bị sự cố trong báo cáo kết quả tuyển sinh hằng năm.

- Thí sinh đã xác nhận nhập học tại một cơ sở đào tạo không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung trong năm tuyển sinh, trừ trường hợp được Hiệu trưởng cho phép.

3. Đối với thí sinh đến Trường nhập học chậm sau 10 ngày trở lên kể từ ngày ghi trong thông báo nhập học:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như từ chối nhập học.

b) Nếu đến chậm do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, Hiệu trưởng xem xét quyết định tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

Điều 13. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ số lượng tuyển sinh của chương trình đào tạo và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào chương trình đào tạo, Hiệu trưởng quyết định xét tuyển các đợt bổ sung và công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển, hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung, điều kiện xét tuyển bổ sung đối với các chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt 1.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào một cơ sở đào tạo bất kỳ có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Nhà trường.

4. Nhà trường công bố xét tuyển đợt bổ sung ngay sau khi có kết quả thí sinh xác nhận nhập học các đợt nếu số thí sinh xác nhận nhập học các đợt thấp hơn số lượng tuyển sinh đợt 1. Mỗi đợt xét tuyển bổ sung, thời gian từ khi công bố phương án đến khi bắt đầu xét tuyển phải tối thiểu là 10 ngày.

Điều 14. Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

1. Khi thí sinh đến nhập học, Trường tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Quy chế này.

2. Trong quá trình sinh viên đang theo học tại trường, Trường tổ chức thanh tra, kiểm tra hồ sơ và kết quả thi của thí sinh theo quy định.

Chương IV TỔ CHỨC KỲ THI NĂNG KHIẾU

Điều 15. Quy trình tổ chức thi

Quy trình tổ chức thi bao gồm: thành lập Hội đồng Tuyển sinh và các ban giúp việc Hội đồng Tuyển sinh (Ban Đề thi, Ban Thư ký, Ban Cơ sở vật chất - An ninh, Ban Chấm thi, Ban Tuyên truyền) và Ban Thanh tra; ra Thông báo tổ chức thi năng khiếu; tiếp nhận Hồ sơ đăng ký dự thi; chuẩn bị các điều kiện cần thiết; tổ chức thi; công bố điểm thi; giải quyết khiếu nại (nếu có).

Điều 16. Thành phần Hội đồng Tuyển sinh và các ban giúp việc, Ban Thanh tra thi

1. Thành phần Hội đồng Tuyển sinh:

- Đối với ngành Giáo dục mầm non gồm: Ban Giám hiệu; Trưởng, phó phòng Quản lý đào tạo; Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Quản trị - Thiết bị, Tổ chức - Hành chính; Trưởng các khoa: Giáo dục mầm non, Nghệ thuật và Trưởng một số đơn vị khác có liên quan.

- Đối với ngành GDDB và các ngành GDNN gồm:

Ban Giám hiệu; Trưởng, phó phòng Quản lý đào tạo; Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Quản trị - Thiết bị, Tổ chức - Hành chính; Trưởng các khoa: Nghệ thuật, Giáo dục nghề nghiệp và Trưởng một số đơn vị khác có liên quan.

2. Ban Đề thi do Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo làm Trưởng ban; các ủy viên gồm lãnh đạo các khoa Giáo dục mầm non, khoa Nghệ thuật, các giảng viên được chỉ định giới thiệu đề thi, phản biện đề thi và viên chức giúp việc.

3. Ban Thư ký do Trưởng phòng Quản lý đào tạo làm Trưởng ban; các ủy viên là viên chức phòng Quản lý đào tạo.

4. Ban Cơ sở vật chất - An ninh do Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị làm Trưởng ban; các ủy viên là viên chức, người lao động phòng Quản trị - Thiết bị và phòng Tổ chức - Hành chính.

5. Ban Chấm thi do Hiệu trưởng làm Trưởng ban; Trưởng phòng Quản lý đào tạo làm Phó trưởng ban; Cán bộ chấm thi là giảng viên các khoa chuyên môn do Hiệu trưởng chỉ định.

6. Ban Thanh tra: tùy thuộc số lượng thí sinh dự thi của mỗi đợt thi, Bộ phận Thanh tra giáo dục giới thiệu danh sách viên chức làm nhiệm vụ thanh tra trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 17. Thông báo tổ chức thi năng khiếu

1. Hội đồng Tuyển sinh ra Thông báo tổ chức thi năng khiếu thành các đợt tùy theo tình hình thực tế.

2. Thông báo tổ chức thi năng khiếu gồm những thông tin sau:

- Đối tượng;
- Nội dung thi;
- Thời gian thi;
- Hồ sơ, lệ phí đăng ký dự thi và thời gian nhận hồ sơ;
- Các điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi;
- Địa chỉ, số điện thoại liên lạc.

Điều 18. Tiếp nhận Hồ sơ đăng ký dự thi

1. Hồ sơ đăng ký dự thi được tiếp nhận trực tiếp tại Trường hoặc qua đường bưu điện.

2. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- Phiếu đăng ký dự thi năng khiếu theo mẫu của Trường;
- Bản công chứng Căn cước công dân (CCCD);
- Bản công chứng học bạ;
- Bản công chứng bằng tốt nghiệp THPT (nếu có);
- 04 ảnh 4x6;

- Lệ phí dự thi (theo thông báo).

Điều 19. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho tổ chức thi

Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh giao Trưởng các ban giúp việc Hội đồng tuyển sinh, Trưởng các đơn vị có liên quan chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho tổ chức thi; cụ thể:

1. Ban Thư ký
 - Tiếp nhận, tổng hợp Phiếu đăng ký dự thi;
 - Bàn giao lệ phí thi cho Phòng Kế hoạch - Tài chính;
 - Dự kiến số phòng thi, số lượng cán bộ coi thi, cán bộ chấm thi trình Hội đồng Tuyển sinh;
 - Tổ chức tập huấn sinh viên tình nguyện công tác phục vụ thi;
 - Tác nghiệp các nhiệm vụ của Ban Thư ký.
2. Ban Cơ sở vật chất - An ninh
 - Chuẩn bị phòng in sao đề thi, trang thiết bị cần thiết cho việc in sao đề thi; bảo quản đề thi đảm bảo an ninh, an toàn;
 - Chuẩn bị phòng thi, các trang thiết bị phục vụ thi; vệ sinh, an ninh, an toàn khu vực tổ chức thi.
3. Ban Đề thi
 - Tổ chức họp, giới thiệu và phân biện đề thi theo đúng quy định;
 - In sao đề thi theo số lượng đề nghị từ Ban Thư ký đảm bảo tính chính xác, bảo mật, an ninh, an toàn của đề thi.
4. Ban Chấm thi
 - Lập danh sách cán bộ chấm thi;
 - Tổ chức tập huấn cán bộ chấm thi (thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức thi; nghiệp vụ chấm thi, các quy định về chấm thi...).

Điều 20. Tổ chức thi

1. Thời gian tổ chức thi
 - Dự kiến tổ chức thi một lần/tháng cho tới hết tháng 12 hoặc khi đã xét tuyển đủ chỉ tiêu được giao hoặc thời điểm khác trong trường hợp đặc biệt do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Lịch thi được điều chỉnh theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và số lượng thí sinh đăng ký/trúng tuyển của các đợt. Lịch thi từng đợt có thông báo riêng và công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

2. Địa điểm tổ chức thi: trực tiếp tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương hoặc phương thức trực tuyến.

3. Môn thi năng khiếu: Năng khiếu 1: Đọc, kể diễn cảm, Năng khiếu 2: Hát.
 - Đọc, kể diễn cảm (10 điểm): thí sinh đọc diễn cảm một câu chuyện theo đề thi rút thăm được; sau khi đọc xong, thí sinh tự chọn và kể diễn cảm lại một tình tiết hay một sự kiện trong truyện.

- Hát (10 điểm): thí sinh trình bày một bài hát đã được chuẩn bị trước, viết cho lứa tuổi thanh thiếu niên trở lên có nội dung lành mạnh với yêu cầu: hát chính xác giai điệu, lời ca và tính chất âm nhạc của bài.

Thí sinh dự thi được cấp Giấy báo kết quả thi năng khiếu để sử dụng trong xét tuyển, có giá trị ngang nhau trong các đợt xét tuyển chính quy.

4. Quy trình, nghiệp vụ tổ chức thi

a) Quy trình, nghiệp vụ đối với thư ký

- Thư ký làm việc tại Bàn thư ký đặt tại hành lang cạnh các phòng thi.

Mỗi thư ký chịu trách nhiệm 01 phòng thi.

- Tài liệu, vật dụng nhận vào đầu buổi thi gồm:

+ Túi niêm phong bao gồm: 01 Danh sách thí sinh, theo phòng thi được phân công, 02 Phiếu chấm thi theo mã phách;

+ Túi giấy tờ và vật dụng khác (gồm: Phiếu dự thi theo số phách, 01 bút mực xanh, 02 bút mực đỏ; 01 kéo, Giấy đề nghị bổ sung và sửa sai thông tin).

- Nhiệm vụ:

+ Khi cán bộ chấm thi tới phòng thi, bàn giao cho cán bộ chấm thi Phiếu chấm thi, bút mực đỏ;

+ Nhận thí sinh tại bàn thư ký; kiểm tra đối chiếu CCCD/CC của thí sinh và danh sách thi. Trường hợp thí sinh không có CCCD/CC thì đối chiếu với VNeID hoặc Giấy cam đoan của thí sinh với danh sách dự thi và lưu cùng túi hồ sơ của phòng thi;

+ Trường hợp phát hiện thí sinh sai số CCCD/CC, ngày sinh với danh sách dự thi, cho thí sinh ghi Giấy đề nghị sửa sai; sửa sai trực tiếp vào danh sách dự thi;

+ Đối chiếu danh sách cho thí sinh vào phòng thi theo đúng số phách trong danh sách thí sinh. Lưu ý: giữ lại CCCD/CC của thí sinh trong quá trình thi;

+ Hướng dẫn thí sinh vào bàn thi;

+ Sau khi thí sinh dự thi xong: trả CCCD/CC cho thí sinh; yêu cầu thí sinh kí tên vào Danh sách dự thi;

+ Cuối mỗi buổi thi, nhận Phiếu chấm từ cán bộ chấm thi; tổng hợp số thí sinh dự thi theo danh sách để báo cáo Thư ký tổng hợp.

- Thư ký không được phép sử dụng điện thoại và rời khỏi vị trí trong khi làm nhiệm vụ. Nếu cần rời vị trí, phải bảo quản tài liệu của mình và báo cáo thanh tra viên hoặc lãnh đạo Ban thư ký cử người thay thế.

b) Quy trình, nghiệp vụ đối với cán bộ chấm thi

- Cán bộ chấm thi làm việc tại các bàn thi. Mỗi phòng thi có 01 cán bộ chấm thi phụ trách chính nội dung Đọc, kể diễn cảm; 01 cán bộ chấm thi phụ trách chính nội dung Hát.

- Cán bộ chấm thi có các tài liệu, vật dụng sau:

+ Phiếu chấm thi theo mã phách;

+ Bộ đề thi đối với môn Đọc, kể diễn cảm;

+ Bút mực đỏ;

+ Đàn;

- Nhiệm vụ chung của cán bộ chấm thi:

+ Có mặt đúng giờ tại Hội đồng thi;

+ Tham gia chấm chung trong buổi tổ chức thi đầu tiên; thực hiện chấm thi theo kết luận và chỉ đạo của các Trưởng nội dung thi;

+ Điểm thi mỗi nội dung được làm tròn đến một số thập phân;

+ Với mỗi Phiếu chấm, cả hai cán bộ chấm thi đều ký, ghi rõ họ tên. Mỗi cán bộ chấm thi chịu trách nhiệm chính về Phiếu chấm theo nội dung được giao;

+ Cuối mỗi buổi thi, hoàn thành các thông tin trên Phiếu chấm và bàn

giao cho Thư ký để tổng hợp.

- + Cán bộ chấm thi chỉ sử dụng bút mực đỏ trong khi làm nhiệm vụ;
- + Cán bộ chấm thi tuyệt đối không mang vật dụng cá nhân vào phòng thi, không được sử dụng điện thoại di động và các tài liệu khác ngoài tài liệu do Hội đồng thi phát trong khi làm nhiệm vụ;

- Quy trình chấm thi:

- + Tổ chức chấm chung hai nội dung thi với thành phần gồm Trưởng nội dung và các cán bộ chấm thi nội dung đó;

- + Sau khi chấm chung, cán bộ chấm thi bốc thăm phòng thi và về phòng thi được phân công.

- + Khi thí sinh vào phòng thi, cán bộ chấm thi phụ trách nội dung Đọc, kể diễn cảm cho thí sinh bốc thăm đề thi; ghi số đề thi vào Phiếu chấm; phát đề cho thí sinh chuẩn bị; lưu ý: không thu, giữ Phiếu dự thi của thí sinh;

- + Sau khi thí sinh hoàn thành phần thi Đọc, kể diễn cảm theo số phách và số đề thi (đã ghi trong Phiếu chấm) hai cán bộ chấm thi thống nhất điểm và cho điểm vào phiếu chấm;

- + Khi thí sinh thi xong nội dung Đọc, kể diễn cảm, thí sinh thực hiện nội dung thi Hát. Sau khi thí sinh hoàn thành nội dung thi Hát hai cán bộ chấm thi thống nhất điểm và cho điểm vào phiếu chấm.

c) Quy định, quy trình thi đối với thí sinh

- Tập trung tại phòng chờ thí sinh: chỉ mang vào phòng chờ CCCD/CC và các đạo cụ phục vụ thi; nếu thiếu CCCD/CC thì điền thông tin vào Giấy cam đoan theo hướng dẫn của cán bộ thư ký tại Hội trường tập trung và sinh viên tình nguyện; khi được gọi tên (theo họ tên, số báo danh), đi cùng cán bộ thư ký tại Hội trường tập trung và sinh viên tình nguyện đến các phòng thi.

- Làm thủ tục tại bàn thư ký: xuất trình CCCD/CC hoặc Giấy cam đoan; kiểm tra thông tin trong Danh sách thí sinh dự thi. Nếu phát hiện thiếu sót, sai lệch thông tin trong Danh sách: điền thông tin và ký vào Danh sách đề nghị bổ sung, chỉnh sửa thông tin; đề nghị Thư ký phòng thi sửa trực tiếp trên Danh sách; gửi các giấy tờ tùy thân cho Thư ký phòng thi; vào phòng thi theo hướng dẫn của Thư ký phòng thi.

- Trình bày bài thi tại phòng thi: bốc thăm đề thi nội dung Đọc, kể diễn cảm, nhận đề thi từ Cán bộ chấm thi và về chỗ ngồi để chuẩn bị; thực hiện nội dung Đọc, kể diễn cảm khi được Cán bộ chấm thi gọi theo số phách: đọc diễn cảm câu chuyện trong đề thi; tự chọn và kể diễn cảm lại một tình tiết hay một sự kiện trong câu chuyện; trả lại đề thi, chuyển sang bàn của Cán bộ chấm thi nội dung Hát, trình bày 1 bài hát tự chọn.

- Quay trở lại bàn thư ký: ký tên vào Danh sách thí sinh dự thi; nhận lại CCCD/CC và các giấy tờ tùy thân khác, rời khỏi khu vực thi theo hướng dẫn của sinh viên tình nguyện.

Điều 21. Công bố điểm thi

1. Sau khi tổng hợp điểm, kiểm dò, Ban Thư ký soạn thảo Quyết định công nhận điểm thi năng khiếu và Bảng tổng hợp điểm thi năng khiếu trình Hội đồng Tuyển sinh.

2. Quyết định công nhận điểm thi năng khiếu phải được công bố trên

trang thông tin điện tử của Trường chậm nhất sau 7 ngày làm việc.

3. Báo cáo về các đợt thi, điểm mỗi đợt thi thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 22. Hoạt động thanh tra công tác tổ chức thi

1. Hiệu trưởng tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra công tác tổ chức thi theo quy định.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra công tác tổ chức thi.

Điều 23. Xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế thi

1. Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về vi phạm Quy chế thi:

- Hội đồng Tuyển sinh;
- Bộ phận Thanh tra giáo dục.

2. Các bằng chứng vi phạm Quy chế thi sau khi đã được xác minh về tính xác thực là cơ sở để xử lý đối tượng vi phạm.

3. Cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế thi:

a) Mọi người dân, kể cả thí sinh và những người tham gia công tác tổ chức thi, nếu phát hiện những hành vi vi phạm Quy chế, cần cung cấp thông tin cho nơi tiếp nhận quy định tại khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật về tố cáo;

b) Người cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế thi phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin và bằng chứng đã cung cấp, không được lợi dụng việc làm đó để gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tổ chức thi.

4. Đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế thi:

a) Tổ chức việc tiếp nhận thông tin, bằng chứng theo quy định; bảo vệ nguyên trạng bằng chứng; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng;

b) Triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm Quy chế thi theo thông tin đã được cung cấp;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh để xử lý và công bố công khai kết quả xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm Quy chế thi;

d) Bảo mật thông tin và danh tính người cung cấp thông tin.

Điều 24. Chế độ báo cáo

Ban Thư ký giúp Hội đồng Tuyển sinh Nhà trường báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo:

1. Kết quả các đợt thi tuyển sinh của năm trước ngày 31 tháng 12 năm tuyển sinh hoặc thời điểm khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thông tin về các đợt thi tổ chức thi theo quy định hoặc theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 25. Chế độ lưu trữ

Danh sách thi sinh dự thi, bảng điểm thi và các hồ sơ, tài liệu liên quan để tổ chức thi tuyển sinh được bảo quản và lưu trữ trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ, Thông tư số 08/2025/TT-BGDĐT ngày 12/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Chương V

**TUYỂN SINH LIÊN THÔNG TỪ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP LÊN
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG VÀ
CAO ĐẲNG HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYỀN**

Điều 26. Đối tượng tuyển sinh

1. Đối với liên thông cao đẳng hình thức đào tạo thường xuyên: Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp sư phạm mầm non.
2. Đối với cao đẳng hình thức đào tạo thường xuyên: Người đã tốt nghiệp THPT.

Điều 27. Hình thức tuyển sinh

1. Đối với liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng hình thức đào tạo thường xuyên

a) Thực hiện xét tuyển

b) Căn cứ vào số người đăng ký dự xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh quyết định số thí sinh trúng tuyển đối với người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp sư phạm mầm non.

Trong trường hợp số lượng thí sinh vượt quá chỉ tiêu thì sẽ thực hiện việc xét tuyển từ cao xuống thấp theo điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa ở trình độ trung cấp ngành giáo dục mầm non.

2. Đối với cao đẳng hình thức đào tạo thường xuyên

Thực hiện xét tuyển kết hợp thi tuyển các môn năng khiếu

- Tổ hợp môn tuyển sinh

+ Môn văn hóa: Ngữ văn hoặc Toán

+ Môn năng khiếu 1: Đọc, kể chuyện diễn cảm

+ Môn năng khiếu 2: Hát

- Hình thức thi năng khiếu: Tùy theo tình hình thực tiễn, Hội đồng tuyển sinh của Trường quyết định áp dụng hình thức thi năng khiếu trực tiếp hay trực tuyến. Hình thức thi năng khiếu được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

Điều 28. Chỉ tiêu tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh

1. Chỉ tiêu đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng hình thức đào tạo thường xuyên được xác định theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Căn cứ tình hình thực tiễn, phòng Quản lý đào tạo xây dựng phương án chỉ tiêu từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng hình thức đào tạo thường xuyên và cao đẳng hình thức đào tạo thường xuyên trình Hiệu trưởng quyết định và đăng ký trên hệ thống quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Việc tuyển sinh được thực hiện thành nhiều đợt trong năm, căn cứ vào số lượng thí sinh đăng ký và chỉ tiêu. Thực hiện đến hết tháng 12 hàng năm cho đến khi hết chỉ tiêu tuyển sinh. Nhà trường sẽ thông báo cụ thể kế hoạch tuyển sinh của

mỗi đợt trên trang thông tin điện tử của Trường.

Điều 29. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

1. Đối với liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng hình thức đào tạo thường xuyên: Người học có bằng trung cấp sư phạm mầm non, đạt điểm trung bình chung học tập từ 5.0 trở lên.

2. Đối với cao đẳng hình thức đào tạo thường xuyên

a) Điểm môn văn hóa

- Trường hợp sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT: Nhà trường sử dụng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cho năm tuyển sinh.

- Trường hợp sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 ở THPT với môn Ngữ văn hoặc Toán. Thí sinh phải đảm bảo kết quả học tập cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề) được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) trở lên.

b) Điểm các môn năng khiếu

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với mỗi môn năng khiếu từ 5.0 điểm trở lên.

c) Đối với người có bằng cao đẳng, đại học sư phạm ngành khác: phải đảm bảo mỗi môn năng khiếu từ 5.0 điểm trở lên. Xét tuyển thẳng thực hiện theo khoản 5 Điều 8 Quy chế này.

Điều 30. Điều kiện dự tuyển và hồ sơ dự tuyển

1. Điều kiện dự tuyển

a) Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (đối với cao đẳng hình thức đào tạo thường xuyên); đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non (đối với cao đẳng liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng).

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

c) Có đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định.

d) Nộp phí dịch vụ xét tuyển, phí dịch vụ thi năng khiếu.

2. Hồ sơ dự tuyển

a) Đối với cao đẳng liên thông hình thức đào tạo thường xuyên

- Đơn đăng ký (theo mẫu);

- 03 bản công chứng CCCD/CC;

- 03 bản công chứng bằng điểm trung cấp sư phạm mầm non;

- 03 bản công chứng bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non;

- 03 bản công chứng Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc xác nhận hoàn thành chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh (nếu có) kèm theo bản công chứng bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học nơi cấp chứng chỉ hoặc giấy xác nhận đã nêu.

- 04 ảnh cỡ 3cm x 4cm.

b) Đối với cao đẳng hình thức đào tạo thường xuyên

- Đơn đăng ký (theo mẫu);

- Bản công chứng CCCD/CC;

- Bản công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc bản công chứng Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (đối với người chưa có bằng tốt nghiệp)

- Bản công chứng học bạ THPT;

- Bản công chứng bằng điểm, bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học (nếu có)

- 04 ảnh cỡ 3cm x 4cm.

Điều 31. Tổ chức thi năng khiếu đối với ngành Giáo dục mầm non và Giáo dục đặc biệt

Được thực hiện như các nội dung được quy định tại Chương IV của Quy chế này.

Điều 32. Phối hợp tư vấn tuyển sinh

1. Tùy thuộc vào điều kiện thực tế, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương phối hợp với các đơn vị trong truyền thông và tư vấn tuyển sinh.

2. Đơn vị phối hợp truyền thông và tư vấn tuyển sinh thực hiện việc thông báo, tư vấn tuyển sinh theo hướng dẫn và quy định của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

3. Phòng Quản lý đào tạo có trách nhiệm tham mưu cho Hiệu trưởng lựa chọn đơn vị phối hợp truyền thông và tư vấn tuyển sinh.

4. Trách nhiệm cụ thể, quyền lợi của mỗi bên được thể hiện trong hợp đồng.

Chương VI

**KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM,
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỔ CÁO**

Điều 33. Khen thưởng

Hiệu trưởng ra quyết định khen thưởng các cá nhân và tập thể có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

Điều 34. Giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo liên quan đến công tác thi tuyển sinh

1. Trong thời gian tổ chức thi, Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tổ chức thi.

2. Kết thúc thời gian tổ chức thi, Hiệu trưởng tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tổ chức thi.

3. Người khiếu nại thực hiện quyền khiếu nại khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

4. Trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tổ chức thi được thực hiện theo quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 35. Xử lý viên chức tham gia tổ chức thi và thí sinh vi phạm quy chế thi

1. Viên chức và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thi bị xử lý theo quy định hiện hành.

2. Người tham gia công tác tổ chức thi là công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy chế, nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ, sẽ bị Nhà trường xử lý theo quy định của pháp luật./.

PHỤ LỤC I**PHÂN CHIA KHU VỰC TUYỂN SINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CĐSPTW ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương)

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

PHỤ LỤC II

ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CĐSPTW ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương)

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
Nhóm UT1	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
Nhóm UT2	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.

06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT- BLĐTBXH-BYT-BTC-BG giáo dục và Đào tạo ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.